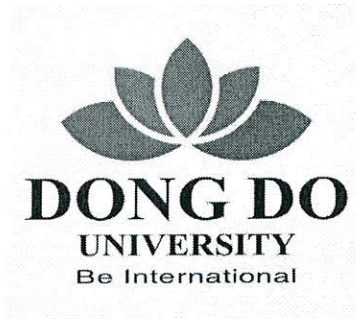




BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐO



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 64 /QĐ-ĐHĐĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

Tên chương trình : Kế toán
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Kế toán
Mã ngành : 7340301
Loại hình đào tạo: Chính quy

Hà Nội, 2025

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số 64/QĐ-ĐHĐĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

CTĐT ngành Kế toán được điều chỉnh nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học, thực hiện các chương trình đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. Chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán được kế thừa từ chương trình đào tạo ban hành 2022 và được bổ sung, phát triển nhiều nội dung mới như viết lại chuẩn đầu ra, mục tiêu học phần, cập nhật các phần kế toán quốc tế, nguyên lý kế toán Mỹ... để đáp ứng với yêu cầu mới của thị trường lao động có liên quan đến công nghệ ô tô trong nước và hội nhập quốc tế trong điều kiện mới.

1.2. Thông tin chung

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tên tiếng Việt: Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán
 - + Tên tiếng Anh: Bachelor's Program in Accounting
 - Mã ngành: 7340301
 - Trình độ đào tạo: Đại học
 - Thời gian đào tạo: 4 năm (có thể học vượt 01 học kỳ theo quy định)
 - Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Cử nhân Kế toán.
 - + Tên tiếng Việt: Cử nhân Kế toán
 - + Tên tiếng Anh: Bachelor of accounting
 - Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Ngành Kế toán Trường Đại học Đông Đô
 - Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Đông Đô
 - Loại hình đào tạo: Chính quy, Vừa làm vừa học
 - Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt
 - Thông tin tuyển sinh:
 - + Đối tượng tuyển sinh:
Tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 - + Phương thức tuyển sinh: Tuyển sinh theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Đông Đô.
 - Chuẩn đầu vào: Theo Quy chế đào tạo đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Phương thức 100, 200, 402
- Các tổ hợp xét tuyển:
- A00: Toán, Vật Lý, Hoá Học
- A01: Toán, Vật Lý, Tiếng Anh
- C00: Ngữ Văn, Lịch sử, Địa Lý
- D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh

Các phương thức tuyển sinh mới hàng năm sẽ được Trường Đại học Đông Đô cập nhật theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương trình đào tạo được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ với thời gian học tập chuẩn toàn khóa là 04 năm học. Mỗi năm học gồm hai học kỳ chính và được tổ chức thành bốn học kỳ nhỏ. Trong 2 năm đầu tiên, sinh viên được học kiến thức đại cương và cơ sở ngành. Trong 2 năm tiếp theo, sinh viên tiếp tục học các kiến thức chuyên ngành, đi thực tập và thực hiện Khóa luận tốt nghiệp

- Điều kiện tốt nghiệp:

+ Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

+ Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;

+ Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

+ Có chứng chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng;

+ Đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe; có kiến thức toàn diện về kế toán, kiểm toán; kỹ năng thực hành nghề nghiệp; năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và khả năng sử dụng tiếng Anh tương xứng với trình độ đào tạo bậc cử nhân ngành kế toán; có khả năng học tập suốt đời; có khả năng sáng tạo và thích nghi với môi trường làm việc; có đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; hội nhập quốc tế và kiến tạo tương lai.

2.2. Mục tiêu cụ thể : (Programme Objectives – Gọi tắt là POs)

PO1: (K) Phân tích và áp dụng được vào thực tiễn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh và những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Có kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao, an ninh quốc phòng, trình độ ngoại ngữ thứ 2 tối thiểu đạt bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

PO2: (K) Xác định, trình bày được kiến thức về kế toán, kiểm toán để nghiên cứu, thực hành nghề nghiệp thành thạo, phân tích, lập kế hoạch, tư vấn để thực hành và quản lý hiệu quả trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Nắm vững kiến thức cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán, có tri thức về quản lý tài chính cho doanh nghiệp, tri thức về kế toán kiểm toán, kế toán ngân hàng, kế toán thuế và kế toán công.

PO3: (S) Thực hiện được các nghiệp vụ kế toán phục vụ kinh doanh, kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Có tư duy phản biện, sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp kế toán, sử dụng tiếng Anh và tin học văn phòng. Xây dựng được chiến lược phát triển của tổ chức, cân đối tính toán thu chi hợp lý, quản lý tốt vấn đề tài chính. Hoạch định các chính sách tín dụng ngân hàng, chính sách kế toán kiểm toán, kế toán thuế, kế toán công, kế toán doanh nghiệp.

PO4 (S) Thành thạo mọi công việc chuyên sâu về kế toán, thành thực các kỹ năng, nghiệp vụ và làm được tất cả các công việc chủ chốt về tài chính của một tập đoàn,

doanh nghiệp, một bộ máy, một cơ sở sản xuất ... đủ điều kiện tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện học liên thông sang các chuyên ngành khác; khả năng tự học, nghiên cứu và phát triển ngành tài chính – ngân hàng trong tương lai, trải nghiệm, đổi mới và học tập suốt đời.

PO5: (S) Đạt trình độ Ngoại ngữ theo chuẩn Tiếng Anh cho các ngành không chuyên ngoại ngữ của Trường Đại học Đông Đô (tương đương TOEIC 450); có khả năng đọc hiểu

PO6: (A) Có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: Chủ động và sáng tạo trong công việc chuyên môn, khởi nghiệp tạo việc làm cho bản thân và người khác trong lĩnh vực kế toán.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức năng lực
1. Kiến thức		
1.1.	Kiến thức giáo dục đại cương	
PLO1 (K)	Dưới góc độ triết học, giải thích được bản chất các hiện tượng, sự vật một cách khách quan, khoa học, giải thích được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, pháp luật, kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh, an ninh quốc phòng, triển khai kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn.	K3/5
PLO2 (K)	Tin học ứng dụng và đạt chuẩn ứng dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT, ngoại ngữ đạt chuẩn đầu ra mức B1	K3/5
1.2.	Kiến thức cơ sở ngành	
PLO3 (K)	Triển khai kiến thức nền tảng cơ sở ngành về toán, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, pháp luật kinh tế vào giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động kế toán của các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, xã hội khác.	K3 /5
PLO4 (K)	Triển khai tốt kiến thức về nguyên lý kế toán, marketing, tâm lý học kinh doanh, phân tích thị trường chứng khoán vào xây dựng kế hoạch và vận hành công tác kinh doanh của doanh nghiệp	K3/5
2.2.	Kiến thức chuyên ngành	
PLO5 (K)	Nhận dạng kiến thức chuyên ngành để thực hiện tốt các nghiệp vụ quản trị kế toán trong doanh nghiệp: Tài chính doanh nghiệp, thuế và kế toán thuế, kế toán quản trị, Kế toán tài chính, kế toán quốc tế, kế toán hành chính sự nghiệp ...	K4/5
PLO6 (K)	Phân tích tốt báo cáo tài chính về hoạt động kinh doanh, kiểm toán, thực hành kế toán tổng hợp, kế toán trong nước và các nước tiên tiến	K4/5
Kỹ năng		

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức năng lực
1.1. Kỹ năng nghề nghiệp		
PLO7 (S)	Thực hiện thuần thục các nghiệp vụ kế toán chủ yếu trong quá trình quản trị của doanh nghiệp.	S3/5
PLO8 (S)	Thực hiện thuần thục các nghiệp vụ kế toán chủ yếu trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khác, thành thạo lập, trình bày báo cáo kế toán và các văn bản hành chính trong doanh nghiệp, máy tính và các ứng dụng tin học văn phòng.	S3/5
PLO9 (S)	Thực hiện được kiểm soát tình hình kế toán tài chính của doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng khác, sử dụng ngôn ngữ Anh tối thiểu đạt trình độ B1 theo KNLNN Việt Nam và hoặc ngoại ngữ khác ở mức độ cơ bản để giải quyết vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp.	S3/5
2.2. Kỹ năng giao tiếp ứng xử		
PLO10 (S)	Hình thành tác phong làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống, phản biện và tư duy phân tích, kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, dẫn dắt, khởi nghiệp và chủ động hội nhập.	S4/5
2.3. Thái độ, mức tự chủ và chịu trách nhiệm		
PLO11 (A)	Chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, ý thức trách nhiệm tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, cải thiện hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính.	A3/4
PLO12 (A)	Đóng góp ý kiến trong quá trình học tập, nghiên cứu, khởi nghiệp khởi nghiệp cho bản thân và cộng đồng.	A3/4

4. VỊ TRÍ LÀM VIỆC CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP.

Sinh viên tốt nghiệp Chương trình Cử nhân ngành Kế toán có khả năng làm việc tại các tổ chức như sau: Bộ phận Kế toán, Tài chính, Kiểm toán nội bộ, Kiểm soát, tư vấn ...tại các doanh nghiệp hoặc tập đoàn kinh tế, Ngân hàng các cơ quan nhà nước và các đơn vị công, các tổ chức phi chính phủ.....; Kiểm toán viên hoặc các đảm nhận các công việc chuyên môn khác (tư vấn thuế, tài chính,...) tại các công ty kiểm toán, dịch vụ kế toán, tư vấn tài chính - kế toán; Chuyên viên tham gia xây dựng chính sách hoặc việc quản lý giám sát nhà nước các hoạt động kế toán - kiểm toán tại Bộ Tài Chính, Ngân hàng nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước khác; Giảng viên hoặc nghiên cứu viên tại các Viện nghiên cứu, trường Đại Học. Các vị trí tiêu biểu có thể đảm nhiệm:

- + Chuyên viên kế toán (kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán thuế)
- + Trợ lý kiểm toán
- + Chuyên viên kiểm toán nội bộ hoặc kiểm soát nội bộ
- + Chuyên viên tư vấn tài chính, kế toán hoặc thuế
- + Chuyên viên trong lĩnh vực kế toán - tài chính tại các cơ quan quản lý nhà nước (Thanh

tra viên, làm chính sách...),

+ Nghiên cứu viên, giảng viên về lĩnh vực kế toán - kiểm toán

5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Các khối kiến thức	Số TC
Khối kiến thức giáo dục đại cương	29
Khối kiến thức cơ sở ngành	21
Khối kiến thức chuyên ngành	67
Thực tập & Khóa luận tốt nghiệp	10
Tổng	127

**Chưa tính 12 TC GDTC & DGQP*

6. DANH SÁCH HỌC PHẦN

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân bố số giờ	
				Lý thuyết	Thực hành/ T luận/ T nghiệm
6.2.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương					
Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc			29		
1	7GDC001	Triết học Mác – Lênin	3	3	0
2	7GDC002	Kinh tế chính trị - Mác Lênin	2	2	0
3	7GDC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	7GDC004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
5	7GDC005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
6	7GDC007	Ngôn ngữ Anh 1	3	2	1
7	7GDC008	Ngôn ngữ Anh 2	3	2	1
8	7GDC009	Ngôn ngữ Anh 3	3	2	1
9	7GDC019	Tin học đại cương	3	1	2
10	7GDC006	Pháp luật đại cương	2	2	0
11	7GDC028	Xác suất thống kê	2	2	0
12	7GDC032	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	2	1	1
6. 2.2. Giáo dục an ninh quốc phòng, thể chất					
	7GDAQ001	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8	0	8
	7GDTC002	Giáo dục thể chất	4	0	4
6.2.3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân bố số giờ	
				Lý thuyết	Thực hành/ T luận/ T nghiệm
Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			15		
13	7KET001	Toán kinh tế	2	2	0
14	7GĐC044	Kinh tế vi mô	3	2	1
15	7GĐC024	Kinh tế vĩ mô	2	1	1
16	7KET002	Nguyên lý kế toán	3	2	1
17	7KET003	Thống kê kinh tế	2	1	1
18	7GĐC038	Pháp luật kinh tế	3	2	1
Kiến thức cơ sở ngành tự chọn			6/8	6	2
19	7KET004	Phân tích thị trường chứng khoán	2	1	1
20	7GĐC037	Marketing căn bản	2	1	1
21	7QKD004	Tâm lý học kinh doanh	2	2	0
22	7KET006	Thương mại quốc tế	2	2	0
Kiến thức ngành, chuyên ngành bắt buộc			63		
23	7KET007	Tài chính doanh nghiệp	3	2	1
24	7KET008	Thuế và kế toán thuế	3	2	1
25	7KET009	Kế toán quản trị	3	2	1
26	7KET010	Kế toán tài chính 1	3	2	1
27	7KET011	Kế toán tài chính 2	3	2	1
28	7KET012	Kế toán quốc tế	2	1	1
29	7KET013	Kinh tế quốc tế	2	2	0
30	7KET014	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	2	1
31	7KET015	Kế toán xây dựng cơ bản	3	2	1
32	7KET016	Kế toán thương mại và dịch vụ	3	2	1
33	7KET017	Phân tích báo cáo tài chính	3	2	1
34	7KET018	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	2	1
35	7KET019	Kiểm toán cơ bản	2	1	1
36	7KET020	Kế toán máy	4	0	4
37	7KET021	Kiểm toán nội bộ	3	2	1
38	7KET022	Tổ chức công tác kế toán	2	1	1
39	7KET023	Thực hành kế toán trên excel	4	1	3
40	7KET024	Kế toán ngân hàng	3	2	1

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân bố số giờ	
				Lý thuyết	Thực hành/ T luận/ T nghiệm
41	7KET026	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	2	1
42	7KET027	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	2	1
43	7KET028	Thực hành kế toán tổng hợp	3	1	2
44	7GDC043	Đạo đức nghề nghiệp	2	1	1
Kiến thức ngành, chuyên ngành tự chọn			4/8	4	4
45	7KET029	Văn bản quy định kế toán	2	1	1
46	7TCN005	Tài chính quốc tế	2	0	2
47	7TCN017	Tín dụng ngân hàng	2	2	0
48	7KET032	Kế toán DN nhỏ và vừa	2	1	1
6.2.3. Tốt nghiệp/ khóa luận/ học thay thế KL			10	5	10
49	7KET033	Thực tập ngành nghề	4	0	4
50	7KET034	Khóa luận tốt nghiệp	6	5	6
Học phần thay thế khóa luận					
51	7KET035	Quản trị học	3	3	0
52	7KET036	Hệ thống thông tin kế toán	3	3	0
Tổng			127		